

Tên:

Ngữ pháp HW:

Lớp: S3...

Độc HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....



GE3 - Unit 7: Puzzles and codes - Grammar 1 & Flyers Reading

A. THEORY

I. GRAMMAR: Present perfect (Thì hiện tại hoàn thành)

- Cách dùng: Diễn tả ai đó đã **từng làm** điều gì hay **chưa từng làm** điều gì
- Dấu hiệu nhận biết: ever, before, already...

	Structure	Example
Positive	S + have/has + V3/ed (+ O)	Anna and Ben have been to China. He has played soccer.
Negative	S + haven't/hasn't + V3/ed (+ O)	Anna and Ben haven't been to China. He hasn't played soccer.

*STRUCTURE: Have you ever....? (Bạn đã từng...?)

- Cách dùng: Dùng để hỏi liệu ai đó đã **từng làm** điều gì hay chưa.

Structure	Example
Have you ever + V3/ed +?	- Have you ever played tennis? → Yes, I have . - Have you ever drunk milk? → No, I haven't .

- Past form of regular verbs (Quá khứ phân từ của động từ có quy tắc)

CÔNG THỨC: Động từ + -ed = Đã làm gì

No.	V-inf	V-ed	Meaning	No.	V-inf	V-ed	Meaning
1	climb	climbed	đã leo trèo	4	touch	touched	đã chạm
2	travel	traveled /travelled	đã đi (du lịch)	5	walk	walked	đã đi bộ
3	play	played	đã chơi				

*Note:

- Động từ kết thúc bằng "e": Chỉ thêm "-d". *Ví dụ: bake → baked*
- Động từ kết thúc bằng phụ âm + y đổi y thành i + ed. *Ví dụ: study → studied*
- Động từ một âm tiết kết thúc bằng phụ âm + nguyên âm + phụ âm (trừ kết thúc bằng w, x, y): Gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm "-ed". *Ví dụ: stop → stopped*

- Past form of irregular verbs (Quá khứ phân từ của động từ bất quy tắc)

No.	V-inf	V3	Meaning	No.	V-inf	V3	Meaning
1	ride	ridden	đã lái, cưỡi	4	be	been	đã là, ở
2	see	seen	đã nhìn	5	draw	drawn	đã vẽ
3	buy	bought	đã mua	6	break	broken	đã vỡ

*Note: S = Subject: Chủ ngữ; V3 = past participle of irregular verb: dạng quá khứ phân từ của động từ bất quy tắc;

V-ed = past participle of regular verb: dạng quá khứ phân từ của động từ có quy tắc;

V-inf = Verb infinitive: Động từ nguyên mẫu; O = Object: tân ngữ; haven't = have not; hasn't = has not.

II. FLYERS READING

1. Extra vocabulary

❖ CLASSWORK

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	pick sth up (phr.v)	nhặt cái gì lên	3	mouse (n) → mice (n)	con chuột → những con chuột
2	forest (n)	rừng	4	wrong (adj)	sai

❖ HOMEWORK

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	lake (n)	hồ	3	playground (n)	sân chơi
2	field (n)	cánh đồng, bãi cỏ			

**Note: n = noun: danh từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; adj = adjective: tính từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Extra vocabulary).*

2. Method: Answer prediction

Bước 1: Đọc câu hỏi kỹ → gạch chân từ khóa (day, place, time, thing...).

Bước 2: Đoán loại từ cần điền → là người, địa điểm, thời gian, đồ vật hay hành động.

Bước 3: Đọc lại các từ trong bảng → chọn từ có nghĩa phù hợp với nội dung của câu.

Bước 4: Kiểm tra lại → điền xong đọc cả câu, xem có hợp ngữ cảnh & ngữ pháp không.

Ví dụ:

Bước 1: Đọc câu hỏi

Câu: "A lot of people are very afraid snakes."

→ Câu này nói về việc nhiều người sợ cái gì đó, cụ thể là **rắn**.

Bước 2: Đoán loại từ cần điền

Cụm: *afraid* *snakes*

→ Afraid là tính từ, và sau tính từ "afraid", chúng ta cần một **giới từ** để kết nối với danh từ "snakes".

Bước 3: Đọc câu trả lời

- to: Dùng với động từ nguyên mẫu, không phù hợp với tính từ "afraid".
- for: Là giới từ đứng sau "afraid" nhưng "afraid for" nghĩa là lo lắng về ai đó hoặc điều gì đó, không phù hợp ngữ cảnh.
- of: Là giới từ đứng sau "afraid" để chỉ đối tượng mà ai đó sợ.

Bước 4: Kiểm tra lại

"A lot of people are very afraid **of** snakes."

→ Câu này đúng ngữ pháp, đúng nghĩa và phù hợp ngữ cảnh.

B. CLASSWORK

I. Pre-reading: Before reading, discuss the following questions with your classmates.

(Trước khi đọc, hãy thảo luận với bạn cùng lớp về những câu hỏi sau.)

1. Are you afraid of snakes? Why or why not?
2. What do you think snakes can do? (Eat, move, live where?)
3. Do you know where snakes can live other than in the wild?

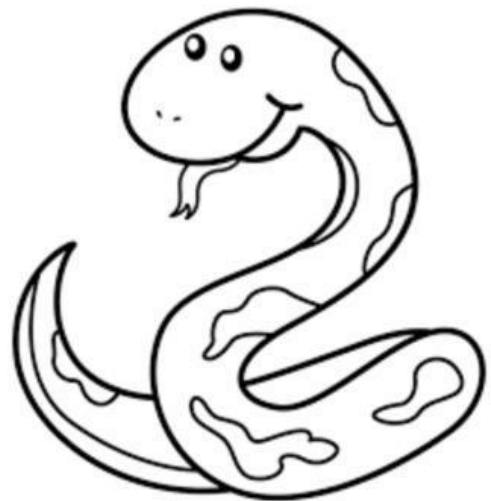
II. Read the text. Choose the right words and write them in the blanks.

(Đọc đoạn văn. Chọn từ đúng và điền vào chỗ trống.)

FLYERS PART 4 - 5 questions

Snakes

A lot of people are very afraidof..... snakes.
They think all snakes (1) ugly and want to hurt them. But this is wrong because some snakes are very beautiful and (2) don't hurt people. Snakes often (3) in the grass or in forests. Some of them eat mice. Some snakes can climb trees very (4) and they can swim (5) rivers. You must always be careful with snakes and you must never pick them up.



Example

1

to

is

for

are

of

were

2

it

she

they

3

live

lives

lived

4

quick

quickly

quicker

5

at

by

in

C. HOMEWORK

GRAMMAR (12 questions)

I. Read the sentences and circle the correct answers. (Đọc câu và khoanh tròn đáp án đúng.)

0. you ever done that?

A. Have

B. Has

C. Does

1. Have you ever slept outside on a hot summer night? - Yes, I

A. haven't

B. have

C. has

2. Selene hasa mountain. But it wasn't a very big mountain.

A. climb

B. climbing

C. climbed

3. Adil and Nazneento another country.

A. have travel

B. has travelled

C. have travelled

4. Hein a forest with his father.

A. haven't walk

B. hasn't walked

C. haven't walked

5. you ever an elephant? - No, I haven't.

A. Have / touch

B. Has / touch

C. Have / touched

II. Complete the sentences and match them with pictures. (Hoàn thành các câu và nối với các bức tranh.)

0. Have you ever climbed (climb) the mountain? - C

1. he ever (play) badminton? - ...

2. Lisa ever (be) to the zoo? - ...

3. they ever (walk) to school? - ...

4. you ever (see) a penguin? - ...

5. you ever (buy) vegetables? - ...

III. Read the questions. Write full answers. (Đọc câu hỏi. Viết câu trả lời hoàn chỉnh.)

0. Have you ever cried like a child?

→ Yes, I have.

1. Have you ever travelled to another country?

→

2. What kinds of puzzles have you ever played? (crosswords, Sudoku, wordsearch, ...)

→

FLYERS PART 4

Read the text. Choose the right words and write them in the blanks.

Zoos



Some big towns have zoos.*Inside*..... a zoo you can find a lot of animals. There is often a hot house for snakes, (1)..... house for birds and a big lake for ducks and fish. Some zoos (2)..... got a big field with elephants, lions or tigers. (3)..... is often a shop or a playground too. Children like (4)..... to the zoo in their holidays because they can see the animals, ride on the elephants or give food (5)..... the monkeys.

Example

*Inside**Outside**About*

1

but

another

any

2

do

no

have

3

They

There

You

4

sleep

going

eating

5

back

under

to